

Bản án: 326/2022/HC-PT

Ngày: 04/8/2022

*Về việc: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 460/2021/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2020/HC-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6431/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (là Công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH G); địa chỉ trụ sở: Khu kinh tế Đ, đảo C, thị trấn C, huyện C, thành phố H1.

- *Đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Bà Nguyễn Mai H2, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty (Vắng mặt).

- *Đại diện theo ủy quyền:* Bà Phạm Thị T (có đơn xin vắng mặt), ông Hoàng Ngọc Q sinh năm 1994 (có mặt) và ông Đỗ Duy H3 (vắng mặt); Đều là nhân viên Công ty luật TNHH Quốc tế B; Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, I, 241 X, phường D, quận C1, thành phố H.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư Quách Minh T1 và luật sư Nguyễn Lê Hạnh L – Công ty luật TNHH Quốc tế B thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H;

Địa chỉ: Số 129 N, phường D, quận C1, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H:
Ông Nguyễn Trường G – Phó Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H: Ông Nguyễn Xuân T2, ông Lê Thành P, ông Đinh Quang H4, bà Trần Thị Thu H5 và ông Vũ Hoàng L1 – Công chức thuộc Cục Hải quan thành phố H (Có mặt ông T2, ông P, bà H5 và ông L1, vắng mặt ông H4).

- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1: Bà Trần Thị L2;

Địa chỉ: số 17 đường P1, phường M1, quận N1, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1:
Ông Đoàn Mạnh H6 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1: Bà Nguyễn Thảo H7, bà Phạm Ngọc Q1 và bà Trần Cẩm V1 – Công chức thuộc Chi cục Hải quan B1 (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Hải quan B1.

Địa chỉ: số 17 đường P1, phường M1, quận N1, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục Hải quan B1: Bà Trần Thị L2 – Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Mạnh H6 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH G hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011043001876 do UBND thành phố H cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2012 với ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô và phụ tùng ô tô; thực hiện quyền nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và linh kiện, thiết bị, phụ tùng ô tô... Ngày 01/3/2019, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V sáp nhập Công ty TNHH G theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H1 cấp.

Ngày 01/01/2016, Công ty G2 thành lập và hoạt động theo pháp luật của Delaware, Mỹ (Viết tắt: Công ty G4) và Công ty TNHH G (Viết tắt: Công ty G3) ký Thỏa thuận đại lý phân phối với nội dung Công ty G4 là nhà cung cấp, Công ty G3 là đại lý phân phối với thời hạn 01 năm từ ngày ký hợp đồng và tự động gia hạn thêm 01 năm tiếp theo.

Thực hiện thỏa thuận đại lý phân phối nêu trên, Công ty G3 và Công ty G4 ký các hợp đồng mua bán cho từng đơn hàng cụ thể.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận đại lý phân phối, Công ty G3 làm thủ tục nhập khẩu các lô hàng xe ô tô tải Pickup cabin kép Chervolet các loại theo 04 tờ khai: 101277650246/A41/01E1 ngày 23/02/2017; 10127986832/A41/01E1 ngày 25/02/2017; 10128156910/A41/01E1 ngày 27/02/2017, 101284195356/A41/01E1 ngày 02/3/2017 tại Chi cục Hải quan B1.

Chi cục Hải quan B1 nhận thấy mức giá khai báo tại 04 tờ khai của Doanh nghiệp thấp hơn mức giá so với thông tin của cơ quan Hải quan, do vậy mức giá khai báo này thuộc diện nghi vấn. Chi cục đã chuyển hồ sơ tham vấn về Cục Hải quan Thành phố H thực hiện tham vấn.

Cục Hải quan Thành phố H thực hiện tham vấn theo 02 Biên bản tham vấn số 44/BBTV ngày 14/3/2017 và 65/BBTV-TXNK ngày 28/3/2017 giữa đại diện Doanh nghiệp và Cục Hải quan Thành phố H.

Kết quả tham vấn: Công ty G3 không chứng minh được mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch và việc hình thành giá nhập khẩu của doanh nghiệp không thỏa mãn điều kiện thứ 2 trong 04 điều kiện để được áp dụng trị giá giao dịch. Do đó, Cục Hải quan Thành phố H bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp tại 04 tờ khai nêu trên.

Trên cơ sở kết quả tham vấn: Ngày 29/3/2017, Chi cục hải quan B1 đã ban hành Quyết định số 237/QĐ-HQBHN về việc ấn định thuế đối với 03 mặt hàng nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 10128156910/A41/01E1 ngày 27/02/2017 tại Chi cục hải quan B1 của Công ty Motors Việt Nam với lý do xác định lại trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Theo đó số tiền thuế còn phải nộp của 03 mặt hàng là **1.196.234.082đồng**.

Ngày 29/3/2017, Chi cục hải quan B1 đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-HQBHN về việc ấn định thuế đối với 04 mặt hàng nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 10127986832/A41/01E1 ngày 25/02/2017 tại Chi cục hải quan B1 của Công ty Motors Việt Nam với lý do xác định lại trị giá tính thuế theo kết quả tham vấn tại thông báo số 804 ngày 16/3/2017 của Cục Hải quan Thành phố H. Theo đó số tiền thuế còn phải nộp của 04 mặt hàng là **1.126.333.608đồng**.

Ngày 31/3/2017, Chi cục hải quan B1 đã ban hành Quyết định số 247/QĐ-HQBHN về việc ấn định thuế đối với 04 mặt hàng nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 10127765024/A41/01E1 ngày 23/02/2017 tại Chi cục hải quan B1 của Công ty Motors Việt Nam với lý do xác định lại trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Theo đó số tiền thuế còn phải nộp của 04 mặt hàng là **1.305.325.728đồng**.

Ngày 07/4/2017, Chi cục hải quan B1 đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-HQBHN về việc ấn định thuế đối với 03 mặt hàng nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 10128419535/A41/01E1 ngày 02/3/2017 tại Chi cục hải quan B1 của Công ty Motors Việt Nam với lý do xác định lại trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Theo đó số tiền thuế còn phải nộp của 03 mặt hàng là **838.767.419đồng**.

Không đồng ý với các Quyết định ấn định thuế, ngày 26/6/2017 Công ty Motors đã khiếu nại lần đầu yêu cầu huỷ bỏ các Quyết định trên mặc dù Công ty đã nộp số tiền trên vào Kho bạc Nhà nước. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 465/QĐ-HQBHN ngày 07/8/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 có nội dung: Giữ nguyên 04 Quyết định về việc ấn định thuế của Chi cục Hải quan B1.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết số 465, Công ty tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1698/QĐ-HQHN ngày 26/10/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan Hà Nội đã giữ nguyên Quyết định số 465/QĐ-HQBHN.

Ngày 14/4/2017, Chi cục Hải quan B1 thực hiện kiểm tra sau thông quan tờ khai số 1011247910/A41/01E1 ngày 11/11/2016 của Công ty G3. Kết quả kiểm tra, cơ quan Hải quan bác bỏ trị giá khai báo do Công ty chưa giải trình được sự bất hợp lý về giá khai báo (chứng minh mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá khai báo) và khai sai tiêu chí mã phân loại khai trị giá trên tờ khai hải quan. Theo đó, cơ quan Hải quan sử dụng mức giá từ các nguồn thông tin thu thập được để xác định trị giá tính thuế đối với 05 lô hàng trên.

Trên cơ sở Báo cáo đề xuất ngày 18/4/2017 của Đội Quản lý thuế về việc kết thúc kiểm tra sau thông quan, ngày 03/5/2017, Chi cục Hải quan B1 đã ban hành Quyết định số 305/QĐ-HQBHN về việc ấn định thuế đối với mặt hàng nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 101122279104/A41/01E1 ngày 11/11/2016 tại Chi cục hải quan B1 của Công ty Motors Việt Nam với lý do xác định lại trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Theo đó số tiền thuế còn phải nộp là **631.096.476đồng**.

Không đồng ý với Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN, ngày 31/7/2017 Công ty Motors đã khiếu nại yêu cầu huỷ bỏ Quyết định trên mặc dù Công ty đã nộp số tiền thuế vào Kho bạc Nhà nước. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 498/QĐ-HQBHN ngày 06/9/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 có nội dung: Giữ nguyên Quyết định về việc ấn định thuế số 305 của Chi cục Hải quan B1.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết lần đầu số 498, Công ty tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1835/QĐ-HQHN ngày 24/11/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H có nội dung: Giữ nguyên Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 498/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1.

Quan điểm của người khởi kiện: Ngày 25/10/2018, Công ty V làm đơn khởi kiện vụ án đề nghị Toà án nhân dân Thành phố H huỷ bỏ Quyết định ấn định thuế số 237/QĐ-HQBHN, 238/QĐ-HQBHN, 247/QĐ-HQBHN, 261/QĐ-HQBHN, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 465/QĐ-HQBHN, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1698/QĐ-HQHN; Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 498/QĐ-HQBHN, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1835/QĐ-HQHN; Buộc Chi

Cục trưởng Chi cục Hải quan B1 hoàn trả lại cho G3 số tiền 5.097.757.313 đồng mà G3 đã nộp vì các lý do:

Trị giá hải quan do G3 khai báo thỏa mãn điều kiện về trị giá hải quan theo quy định của Thông tư 39 về Trị giá hải quan.

Cơ quan hải quan biết rõ về mối quan hệ đặc biệt giữa G3 và G4 và mối quan hệ đặc biệt này không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch giữa G3 và G4.

Cơ quan hải quan không đưa ra được các căn cứ xác đáng để chứng minh việc G3 không thỏa mãn điều kiện về trị giá hải quan theo quy định của Thông tư 39.

Cơ quan hải quan không tuân theo quy định của pháp luật kiểm tra trị giá hải quan khi thực hiện bác bỏ trị giá khai báo và ấn định thuế trước thời điểm kiểm tra sau thông quan.

Cơ quan hải quan đã thực hiện tham vấn và ấn định thuế đối với sản phẩm tương tự do G3 mua và nhập khẩu từ GM Korea, nhưng sau đó đã chấp nhận mức giá khai báo trên cơ sở giải trình và cung cấp thông tin của G3.

Người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H có quan điểm về nội dung khởi kiện: Về thời hiệu khởi kiện của Công ty G3, sau khi ban hành các Quyết định ấn định thuế, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 nêu trên, cơ quan Hải quan đã gửi đến Công ty G3 01 bản để thực hiện. Công ty GM đã nhận được hai quyết định nêu trên vào các ngày 27/10/2017 và ngày 01/12/2017 (có xác nhận của Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel tại Công văn số 01/VTP-CNCGY ngày 06/4/2019 với nội dung xác định thời gian nhận tài liệu CPN). Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015; theo quan điểm của Cục Hải quan Thành phố H thì tính đến ngày 11/3/2019, các Quyết định nêu trên đã được ban hành trên 1 năm và quá thời hạn khởi kiện.

Về trị giá tính thuế: Cục Hải quan Thành phố H khẳng định trị giá khai báo của Công ty G3 không thỏa mãn điều kiện được áp dụng trị giá giao dịch, do đó cơ quan Hải quan đã thực hiện bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá và ấn định thuế đúng quy định của pháp luật. Theo đó, Cục Hải quan Thành phố H không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ các quyết định nêu tại Thông báo thụ lý số 20/TBTL-HCST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Người bị kiện Chi cục Hải quan B1 và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 có quan điểm về nội dung khởi kiện: Chi cục Hải quan B1 khẳng định trị giá khai báo của Công ty TNHH G không thỏa mãn điều kiện được áp dụng trị giá giao dịch, do đó cơ quan Hải quan đã thực hiện bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá và ấn định thuế đúng quy định của pháp luật. Theo đó, Chi cục Hải quan B1 không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ các quyết định nêu tại Thông báo thụ lý số 20/TBTL-HCST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2020/HC-ST ngày 30/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã: Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hành chính; Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012; Luật Hải quan năm 2014; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005; Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2013; Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (Công ty TNHH G sáp nhập vào ngày 01/3/2019) đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại sau:

- Quyết định ấn định thuế số 237/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1 ngày 29/3/2017 đối với Tờ khai hải quan số 101281569104/A41/01E1 (10128156910/A41/01E1) ấn định số thuế nhập khẩu và các loại thuế khác bổ sung 1.196.234.082 đồng.

- Quyết định ấn định thuế số 238/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1 ngày 29/3/2017 đối với Tờ khai hải quan số 101279868326/A41/01E1 (10127986832/A41/01E1) ấn định số thuế nhập khẩu và các loại thuế khác bổ sung 1.126.333.608 đồng.

- Quyết định ấn định thuế số 247/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1 ngày 31/3/2017 đối với Tờ khai hải quan số 101277650244/A41/01E1 (10127765024/A41/01E1) ấn định số thuế nhập khẩu và các loại thuế khác bổ sung 1.305.325.728 đồng.

- Quyết định ấn định thuế số 261/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1 ngày 07/4/2017 đối với Tờ khai hải quan số 101284195356/A41/01E1 (10128419535/A41/01E1) ấn định số thuế nhập khẩu và các loại thuế khác bổ sung 838.767.419 đồng.

- Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN của Chi cục Hải quan B1 ngày 03/5/2017 đối với Tờ khai hải quan số 101124279104/A41/01E1 ấn định số thuế nhập khẩu và các loại thuế khác bổ sung 631.096.476 đồng.

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 465/QĐ-HQBHN ngày 07/8/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1.

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1698/QĐ-HQHN ngày 26/10/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 498/QĐ-HQBHN ngày 06/9/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1.

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1835/QĐ-HQHN ngày 24/11/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V (Công ty TNHH G sáp nhập vào ngày 01/3/2019) yêu cầu Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan B1 hoàn trả số tiền 5.097.757.313 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2020, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không xuất trình thêm tài liệu gì mới.

1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V có ý kiến cho rằng toàn bộ 05 quyết định ấn định thuế, các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần 2 của Cục trưởng Cục hải quan thành phố H và Chi Cục trưởng Chi cục hải quan B1 là không có căn cứ, trái pháp luật. Trị giá nhập khẩu nêu trong toàn bộ 05 tờ khai hải quan nhập khẩu các lô hàng xe ô tô tải Pickup cabin kép Chervolet của G3 là đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch khi kê khai trị giá hải quan theo đúng quy định của pháp luật; việc kê khai sai mã phân loại khai trị giá không thể là căn cứ bác bỏ trị giá nhập khẩu; nghĩa vụ cung cấp các căn cứ chứng minh trị giá khai báo có bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ đặc biệt hay không thuộc về cơ quan hải quan không phải người khởi kiện. Trong vụ án này cơ quan hải quan không đưa ra được căn cứ chứng minh giá trị khai báo bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ đặc biệt; Cơ quan hải quan ban hành 04 quyết định ấn thuế trước khi thông quan là vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục quy định tại Điều 25.2 Thông tư 38. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy toàn bộ các quyết định ấn định thuế, quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với Công ty; buộc Chi Cục trưởng Chi cục hải quan B1 hoàn trả lại cho Công ty số tiền thuế mà Công ty GM đã nộp thêm theo các quyết định ấn định thuế nêu trên.

2. Người đại diện của người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H và đại diện của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- *Về việc tuân theo pháp luật:*

+ Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

+ Yêu cầu của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện. Kháng cáo của Người khởi kiện trong thời hạn luật định, đáp ứng điều kiện về hình thức, nội dung nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thấy:

+ *Về quan hệ pháp luật:* người khởi kiện đề nghị hủy các Quyết định ấn định thuế, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H.

+ *Xét yêu cầu hủy các quyết định thấy:* Thẩm quyền ban hành Quyết định: Quyết định thuế, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) và (lần hai) đúng quy định của pháp luật. Về trình tự, thủ tục ban hành: Đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Người khởi kiện đề nghị hủy các Quyết định ấn định thuế của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 vì cho rằng không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cơ quan Hải quan khi có nghi ngờ về mức giá khai báo đã tiến hành việc tham vấn về giá, khi có đủ cơ sở đã ấn định thuế là đúng quy định của pháp luật.

+ Các Quyết định ấn định thuế của Chi cục Hải quan B1 là có căn cứ, đúng pháp luật nên sau khi người khởi kiện khiếu nại Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan B1 đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Cục trưởng Cục Hải quan Hà Nội đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Người khởi kiện đề nghị hủy các Quyết định ấn định thuế, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, nội dung khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện, căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện.

II. Về nội dung:

[1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

- *Đối với các quyết định ấn định thuế*: Căn cứ Điều 79 Luật Hải quan năm 2014, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP, điểm a khoản 2 Điều 100 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 ban hành là đúng thẩm quyền.

- *Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2*: Căn cứ quy định tại Điều 18 và Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011, việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 và Cục trưởng Cục Hải quan Hà Nội ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền.

[2]. Về trình tự thủ tục ban hành:

Tại thời điểm đăng ký làm thủ tục hải quan, các mặt hàng nhập khẩu của GMVN có nghi vấn về mức giá khai báo thấp hơn cơ sở dữ liệu giá của cơ quan Hải quan và người khai hải quan đề nghị được tham vấn giá, các tờ khai hải quan được chuyển đến Cục Hải quan thành phố H để thực hiện tham vấn, sau tham vấn cơ quan Hải quan có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo và xác định lại trị giá đối với các lô hàng của GMVN. Căn cứ kết quả tham vấn, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 đã ban hành các quyết định ấn định thuế.

Căn cứ Điều 31, 84 Luật Hải quan số 54/2014/QH13, điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư 38/2015/TT/BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, việc ấn định thuế của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan B1 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H được ban hành đúng trình tự, thủ tục.

[3]. Về nội dung các quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Về việc bác bỏ giá trị khai báo và ấn định thuế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến quá trình hình thành giá mua 05 lô hàng của Công ty GMVN, xem xét việc bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá tính thuế của Hải quan thể hiện:

Thỏa thuận đại lý phân phối ngày 01/01/2016 giữa Công ty G4 và Công ty G3 ghi nhận Công ty G3 là đại lý phân phối sản phẩm của G4 tại thị trường Việt Nam. Như vậy, giữa bên bán G4 và bên mua G3 có quan hệ đặc biệt theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Giá mua bán được hai bên xác định căn cứ vào Thư ngày 11/01/2017 của Công ty G4 gửi Công ty G3. Theo đó, việc xác định giá được thực hiện theo nguyên tắc Công ty G3 với tư cách nhà phân phối sẽ đạt được mức lợi nhuận hoạt động kỳ vọng theo nguyên tắc thị trường là 2%. Quy trình thỏa thuận giá được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định mức giá bán mục tiêu tại thị trường Việt Nam, GM Việt Nam sẽ thông báo giá mua đến G4 cho mục đích ký hợp đồng.

Bước 2: Mức giá được kiểm tra/chấp thuận bởi Bộ phận chuyên giá và Hải quan Khu vực về giá giao dịch thị trường và hải quan dưới góc độ pháp luật và giá thị trường.

Bước 3: G4 có thể chấp nhận đề xuất của GM Việt Nam, hoặc từ chối đề xuất. Trong trường hợp G4 chấp nhận đề xuất của GM Việt Nam, quy trình xác định giá hoàn thành. Trong trường hợp khác, GM Việt Nam phải cân nhắc các đề xuất thay thế có tính đến các yếu tố kinh tế và tình hình kinh doanh. Quy trình xác định giá bắt đầu lại từ Bước 1 như nêu trên.

Như vậy, toàn bộ các bước trên thể hiện sự không độc lập giữa đại lý phân phối GM Việt Nam và nhà sản xuất G4 trong quá trình thỏa thuận về giá với lý do bên mua G3 là người đề xuất giá, có sự tham gia của Bộ phận chuyên giá, Hải quan Khu vực và bên bán đảm bảo cho bên mua đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng 2%. Do đó, mức giá giao dịch giữa GM Việt Nam và G4 không thỏa mãn phương pháp trị giá giao dịch.

Trong quá trình tham vấn đối với 04 lô hàng có nghi vấn về giá khai báo, Công ty GM Việt Nam không giải thích được sự giảm giá của loại xe ô tô đang làm thủ tục nhập khẩu (phiên bản 2017, sản xuất năm 2017) so với cùng dòng xe do chính Công ty nhập khẩu trước đó (phiên bản 2016, sản xuất năm 2015 và năm 2016) và cũng không chứng minh được mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Theo khoản 1 Điều 25 và điểm b khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định, một trong các trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của người khai hải quan là người khai hải quan không giải trình, không chứng minh được mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch... Bên cạnh đó, việc hình thành giá nhập khẩu của doanh nghiệp không thỏa mãn điều kiện thứ 2 trong 4 điều kiện để được áp dụng trị giá giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư 39/2015/TT-BTC

ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Do đó, Cục Hải quan thành phố H bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp tại 04 tờ khai số: 101277650246/A41/01E1 ngày 23/02/2017; 10127986832/A41/01E1 ngày 25/02/2017; 10128156910/A41/01E1 ngày 27/02/2017, 101284195356/A41/01E1 ngày 02/3/2017 tại Chi cục Hải quan B1 phù hợp với các quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ tài chính quy định về giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là có căn cứ.

[3.2]. Đối với Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN ngày 03/5/2017 của Chi cục Hải quan B1: Chi cục Hải quan B1 không chấp nhận nội dung khai báo trị giá giao dịch của tờ khai hải quan số 101124279104A41/01E1 ngày 11/11/2016 do Công ty TNHH G mở nhập khẩu mặt hàng xe ô tô tải Pickup cabin kép Chervolet. Công ty chưa giải trình được sự bất hợp lý về giá khai báo (chứng minh mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá khai báo) và khai sai tiêu chí “mã phân loại trị giá” trên tờ khai hải quan (Công ty khai mã phân loại trị giá là mã 6, mã đúng là mã 7). Việc cơ quan hải quan B1 bác bỏ khai báo trị giá giao dịch của tờ khai hải quan số 101124279104A41/01E1 ngày 11/11/2016 là đúng quy định của điểm b khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài Chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 6, Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

[3.3]. Về cơ sở xác định trị giá tính thuế của Hải quan: Đối với 04 Quyết định ấn định thuế số 237/QĐ-HQBHN ngày 29/3/2017, số 238/QĐ-HQBHN ngày 29/3/2017, số 247/QĐ-HQBHN ngày 31/3/2017, số 261/QĐ-HQBHN ngày 07/4/2017, Cơ quan Hải quan thu thập thông tin, tra cứu trên cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và các nguồn thông tin khác (các trang web trong và ngoài nước, mức giá bán lẻ của chính Công ty thông báo cho cơ quan Thuế). Do không đủ điều kiện và tài liệu để áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, Cơ quan Hải quan đã sử dụng phương pháp suy luận để xác định trị giá từ mức giá cho 04 lô hàng nhập khẩu đang xác định trị giá của Công ty GM Việt Nam. Theo đó, cơ quan Hải quan sử dụng mức giá trong cơ sở dữ liệu hải quan từ các tờ khai nhập khẩu: **100930017204/A41/01E1** ngày 02/7/2016; **100702004103/A41/01E1** ngày 08/01/2016. Như vậy cơ sở xây dựng giá của cơ quan Hải quan là có căn cứ theo khoản 4 Điều 12 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2017 của Bộ Tài chính.

Đối với Quyết định ấn định thuế số 305/QĐ-HQBHN ngày 03/5/2017, Chi cục trưởng Chi cục hải quan B1 vận dụng phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự trong khoảng thời gian 60 ngày trước và sau ngày xuất khẩu thuộc tờ khai **10117637413A41/01E1** ngày 13/12/2016. Như vậy, cơ sở xây dựng giá là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2017 của Bộ tài chính.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: xuất phát từ mối quan hệ đặc biệt giữa bên xuất khẩu G4 (bên bán), bên nhập khẩu G3 (bên mua) dẫn đến việc hình thành giá mua bán trong Hợp đồng phân phối và xác định giá trị khai báo hàng hóa nhập khẩu của G3 là không khách quan; bên nhập khẩu G3 không chứng minh được mối quan hệ đặc biệt với bên xuất khẩu G4 không ảnh hưởng đến trị giá hải quan. Do đó, việc Chi cục Hải quan B1, Cục Hải quan thành phố H bác bỏ giá trị khai báo của G3, ra các Quyết định ấn định thuế và các Quyết định giải quyết khiếu nại là có cơ sở.

[3.4]. Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại: Do G3 khiếu nại nên Chi cục Hải quan B1 và Cục Hải quan thành phố H đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai bác bỏ nội dung khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục Hải quan B1 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Cục Hải quan thành phố H đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định.

Cơ quan Hải quan khi có nghi ngờ về mức giá khai báo đã tiến hành việc tham vấn về giá, khi có đủ cơ sở đã ấn định thuế là đúng quy định của pháp luật. Các Quyết định ấn định thuế của Chi cục Hải quan B1 là có căn cứ, đúng pháp luật nên sau khi người khởi kiện khiếu nại Chi Cục Trưởng Chi cục Hải quan B1 đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về nội dung kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định ấn định thuế vì không đúng trình tự, thủ tục:

G3 cho rằng, các Quyết định ấn định thuế trước khi thông quan là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015. Chi cục Hải quan cho rằng không áp dụng Thông tư số 38/2015/TT-Bộ Tài chính, mà áp dụng khoản 1c Điều 39 Luật Quản lý thuế 2006.

Nghiên cứu các văn bản trên thấy rằng, khoản 2 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC chỉ quy định về quy trình kiểm tra trị giá hải quan mà không quy định về trình tự ấn định thuế; khoản 1c Điều 39 Luật Quản lý thuế 2006 cũng chỉ quy định về thẩm quyền ấn định thuế.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 48 Thông tư số 38/2015 thì “*Ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa đã được thông quan hoặc giải phóng hàng*”. Như vậy, trình tự ấn định thuế được thực hiện trong cả quá trình làm thủ tục hải quan và thủ tục sau thông quan. Do đó, Chi cục Hải quan ra các Quyết định ấn định thuế không sai về quy trình.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh V, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2020/HCST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh V (là Công ty kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH G) phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; Ghi nhận Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020959 ngày 19/11/2020 của Cục Thi án dân sự thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà